

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PH
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2024/HNGĐ-ST

Ngày 28/3/2024

Về vụ: Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PH, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Nhật.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Hoàn Thiện và ông Trần Văn Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Cẩm Thoang - Thư ký, Tòa án nhân dân huyện PH, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PH tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Tấn Duy – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PH xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 265/2023/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2023 về tranh chấp “*tranh chấp ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2023/QĐXXST- HNGĐ, ngày 11 tháng 3 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1990; Cư trú tại: KP TP, phường TB, Tp. DA, tỉnh Bình Dương. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1991; Cư trú tại: Khu phố ĐT 1, thị trấn PH, huyện PH, tỉnh Phú Yên. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn ông Nguyễn Văn Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị T tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại UBND phường TB, Tp. DA, tỉnh Bình Dương. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, bà T gây nợ nần, quen người đàn ông khác và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vì con nên ông Q chịu đựng, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được và bà T bỏ về quê cùng với hai con, chặn mọi liên lạc với ông Q, vợ chồng không còn sống chung với nhau từ đó đến nay, không còn quan tâm gì nhau. Nay ông Q yêu cầu giải quyết cho ông được ly hôn với bà T.

Về con chung: Quá trình sống chung, vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng Phúc A, sinh ngày 20/7/2014 và Nguyễn Hoàng Phúc K, sinh ngày 24/3/2016. Hiện các con đang ở nhà mẹ bà T và ông Q chu cấp cho con đầy

đủ, ly hôn ông Q đồng ý giao 02 con cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng, ông Q tự nguyện cấp dưỡng nuôi con với mức 2.000.000 đồng/con/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 04/3/2024 bị đơn, bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà T và ông Q tự nguyện kết hôn vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND phường TB, Tp. DA, tỉnh Bình Dương. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung tại nhà riêng (của cha mẹ ông Q cho) ở Bình Dương, cuộc sống vợ chồng bình thường đến năm 2016 xảy ra mâu thuẫn do bà T phát hiện ông Q có mối quan hệ bất chính với người khác, bà T bế 02 con về sống với gia đình bà T tại Khu phố DT 1, ông Q có liên lạc với bà T để gặp con chứ không hòa giải với bà T, vợ chồng mạnh ai nấy sống, không quan tâm với nhau từ đó đến nay, nay bà T không còn tình cảm với ông Q nên bà đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông Q.

Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng Phúc K, sinh ngày 24/3/2016 và Nguyễn Hoàng Phúc A, sinh ngày 20/7/2014. Bà T là người trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung từ năm 2016 đến nay, ông Qg có quan tâm và cấp dưỡng cho con nhưng không thường xuyên. Nay vợ chồng ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai.

Tòa án nhân dân huyện PH không tiến hành hòa giải được do vắng mặt nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Q giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với bà Nguyễn Thị T; giao 02 con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung với mức 2.000.000 đồng/con/tháng; không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Bị đơn bà Nguyễn Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PH tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử, Thẩm phán đã xác định đúng mối quan hệ tranh chấp, xác định đúng tư cách pháp lý của các đương sự, chấp hành đúng trình tự, thủ tục thu thập tài liệu, chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử theo tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký cũng đã chấp hành đúng theo quy định tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, cho ông Q được ly hôn với bà T; Về con chung: Hiện nay do bà T trực tiếp nuôi dưỡng con chung, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và bị đơn, giao 02 con chung cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn ông Q cấp dưỡng nuôi con với mức

2.000.000 đồng/con/tháng, bắt đầu từ tháng 4/2024; Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với bị đơn Nguyễn Thị T và bị đơn có nơi cư trú tại thị trấn PH, huyện PH. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện PH.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn và bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị T tự nguyện kết hôn và có đăng ký tại UBND phường TB, Tp. DA, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 83 ngày 25/9/2013 nên hôn nhân giữa ông Q và bà T là hôn nhân hợp pháp. Ông Q xác định trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, bà T gây nợ nần và quen người đàn ông khác nên dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng không còn sống chung với nhau, bị đơn bà Nguyễn Thị T cho rằng vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do ông Q ngoại tình vì vậy bà bế con về quê sinh sống, vợ chồng không còn quan tâm gì nhau, ông Q yêu cầu ly hôn thì bà T đồng ý. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị T không còn hạnh phúc, không còn chung sống với nhau, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. HĐXX căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho ông Nguyễn Văn Q được ly hôn với bà Nguyễn Thị T.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống, giữa ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị T có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng Phúc K, sinh ngày 24/3/2016 và Nguyễn Hoàng Phúc A, sinh ngày 20/7/2014. Từ khi vợ chồng không sống chung với nhau, ông Q và bà T đều thừa nhận bà T là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và cùng thống nhất giao 02 con chung cho bà T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, phù hợp nguyện vọng của 02 con và để ổn định cuộc sống của con chung, HĐXX căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn, giao 02 con chung cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị T yêu cầu ông Nguyễn Văn Q cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật, ông Nguyễn Văn Q tự nguyện cấp dưỡng nuôi con với mức 2.000.000 đồng/con/tháng. Xét thấy để đảm bảo sự phát

triển bình thường của con chung về cả thể chất và tinh thần, HĐXX ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Văn Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức 2.000.000 đồng/con/tháng, kể từ tháng 4/2024 cho đến khi phát sinh một trong các trường hợp quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản và nghĩa vụ chung về tài sản: Nguyên đơn ông Q và bị đơn bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Q phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm về phần cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết 326//2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho ông Nguyễn Văn Q được ly hôn với bà Nguyễn Thị T.

2. *Về con chung*: Giao hai con chung tên Nguyễn Hoàng Phúc K, sinh ngày 24/3/2016 và Nguyễn Hoàng Phúc A, sinh ngày 20/7/2014 cho bà Nguyễn Thị T tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Buộc ông Nguyễn Văn Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*)/con/tháng, kể từ tháng 4/2024 cho đến khi phát sinh một trong các trường hợp quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Ông Nguyễn Văn Q không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. *Về tài sản và nghĩa vụ chung về tài sản*: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Q và bị đơn bà Nguyễn Thị T không yêu cầu giải quyết.

4. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Q phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về phần nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, được khấu trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí ông Q đã nộp tại phiếu thu số 0010250 ngày 01/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PH, tỉnh Phú Yên nên ông Nguyễn Văn Q phải nộp tiếp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

5. *Quyền kháng cáo*: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện PH;
- Chi cục THADS huyện PH;
- UBND xã phường TB
(Số 83 ngày 25/9/2013);
- Đương sự;
- Lưu HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Minh Nhật